

Số: 78/CAD-2022

Cà Mau, ngày 27 tháng 09 năm 2022

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH

(V/v: Về báo cáo tài chính soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022)

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Ngày 27/09/2022 Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex (Công ty Cadovimex) có tiến hành công bố Báo cáo tài chính soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022, có một số yếu tố Công Ty Cadovimex xin giải trình như sau : kiểm toán không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính này, giải trình điều chỉnh hồi tố, giải trình về LNST chênh lệch 10%.

Nay Công ty Cadovimex xin được giải trình vụ việc như sau:

1. Về việc kiểm toán không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính này:

Theo báo cáo kiểm toán của công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc tại trang 3 báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm năm 2022, Công ty Cadovimex xin nêu lên cơ sở từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc cụ thể như sau:

“Trong thành phẩm tồn kho có một số lượng hàng gửi kho tại Mỹ giá trị sổ sách là 33.652.172.082 đồng từ năm 2006. Theo biên bản tồn kho xác lập với South China Seafood đến cuối 26 tháng 12 năm 2006 thì tại kho NJ còn tồn 2.682 thùng 8 túi, ở kho LA còn tồn 3.354 thùng. Tổng số tồn của hai kho này là 6.036 thùng 8 túi. Theo Quyết định trọng tài vụ kiện số 14/08 ngày 07/02/2009 của Trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam xác định South China Seafood Company phải trả cho Cadovimex số hàng trên hoặc thanh toán tiền hàng nếu không trả được hàng. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng xác minh về tính hiện hữu, đầy đủ cũng như căn cứ xác định giá trị lô hàng này tại thời điểm 30/06/2022. Ngoài ra, Công ty tồn kho một lượng thành phẩm đông lạnh trong kho lạnh Công ty số tiền 6.416.202.919 đồng từ năm 2013, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục để xác minh về tính đầy đủ của khối lượng cũng như căn cứ xác định giá trị của lô hàng này tại thời điểm 30/06/2022.

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty không thu thập được bằng chứng để xác định số dư của các khoản mục Tiền gửi ngân hàng số tiền 454.284.932 đồng. Phải thu khách hàng số tiền 93.288.515.631 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 88.820.897.254 đồng), Trả trước cho người bán số tiền 14.359.853.956 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 12.564.427.635 đồng), Phải thu khác số tiền 14.925.931.390 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 12.564.427.635 đồng), Phải trả người bán số tiền 35.695.041.029 đồng, Vay ngắn hạn số tiền 58.227.566.960 đồng, Phải trả ngắn hạn khác số tiền 35.695.041.029 đồng (trong đó lãi vay phải trả là 30.019.930.858 đồng), Phải trả dài hạn khác số tiền 1.106.265.350 đồng. Chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ, dự phòng phải thu khó đòi, chi phí lãi vay và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành thẩm định xác định lại giá trị doanh nghiệp làm tăng so với sổ sách là 111.337.014.296 đồng, trong đó đánh giá trị tài sản cố định hữu hình và

vô hình với giá trị lần lượt là 12.745.043.314 đồng và 98.591.970.982 đồng, đồng thời dùng nguồn đó để làm tăng vốn góp chủ sở hữu 102.000.000.000 đồng, tăng thặng dư vốn cổ phần lên 9.337.014.296 đồng. Việc công ty sử dụng dịch vụ thẩm định giá độc lập để thẩm định lại giá trị tài sản của doanh nghiệp và ghi nhận tăng giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu từ đánh giá lại này là chưa đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Đến năm 201, Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại toàn bộ phần giá trị tài sản tăng thêm này và ghi giảm toàn bộ vào thặng dư vốn cổ phần số tiền 111.337.014.296 đồng làm cho thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo có giá trị âm (25.797.520.000) đồng. Cùng với đó chúng tôi chưa thu thập được các hồ sơ liên quan đến đợt tăng vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ) năm 2012 số tiền 120.000.000.000 đồng (102.000.000.000 đồng tăng từ thặng dư vốn cổ phần và 18.000.000.000 đồng góp vốn bằng tiền). Chúng tôi không tiến hành các thủ tục thay thế vì vậy chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về việc tăng vốn này và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của đơn vị.

Tại thời điểm 01/01/2016 Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ tài sản cố định cũng như căn cứ ước tính khấu hao lũy kế đầu kỳ của đơn vị. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế vì vậy chúng tôi không xác định được liệu có cần điều chỉnh Nguyên giá và Hao mòn lũy kế của Tài sản cố định trên báo cáo tài chính tại thời điểm 01/01/2022 và 30/06/2022 hay không.”

- Từ những cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận đã nêu ở trên nên phía Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc Do đó chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính này.

2. Về việc điều chỉnh hồi tố:

Do các ngân hàng phản hồi thư xác nhận dự nợ vay trễ cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2021 nên nên kiểm toán viên yêu cầu công ty tiến hành các thủ tục hồi tố số liệu, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Năm 2015 Số đã Trình Bày	Năm 201 Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên bản cân đối kế toán				
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.181.172.176.348	1.213.241.593.161	32.069.416.813
Nợ ngắn hạn	310	726.105.797.920	758.175.214.733	32.069.416.813
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(1.160.418.837.679)	(1.192.488.254.492)	(32.069.416.813)
Vốn chủ sở hữu	410	(1.160.418.837.679)	(1.192.488.254.492)	(32.069.416.813)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.355.435.575.087)	(1.387.504.991.900)	(32.069.416.813)
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	417	(1.285.168.531.556)	(1.317.237.948.369)	(32.069.416.813)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	20.753.338.669	20.753.338.669	-

3. Về việc LNST chênh lệch 10%.



	Chỉ tiêu	Mã số	Th. Minh	06 Tháng đầu năm 2022	06 Tháng đầu năm 2021	Chênh lệch
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.999.549.885	7.833.871.003	3.165.678.882
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.999.549.885	7.833.871.003	3.165.678.882
4.	Giá vốn hàng bán	11		9.194.031.303	6.420.470.864	2.773.560.439
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.805.518.582	1.413.400.139	392.118.443
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		483.466	776.653	(293.187)
7.	Chi phí tài chính	22		50.129.661.428	195.292.846	49.934.368.582
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		47.228.832.071	-	47.228.832.071
8.	Chi phí bán hàng	25		160.701.612	1.200.029.362	(1.039.327.750)
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.859.844.943	1.892.274.680	967.570.263
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25 + 26)}	30		(51344205935)	(1.873.420.096)	(49.470.785.839)
11.	Thu nhập khác	31		23.721.040	241.252	23.479.788
12.	Chi phí khác	32		2.062.956.580	6.000.000	2.056.956.580
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.039.235.540)	(5.758.748)	(2.033.476.792)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(53.383.441.475)	(1.879.178.844)	(51.504.262.631)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(53.383.441.475)	(1.879.178.844)	(51.504.262.631)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(2.567)	(90)	



Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

